

Bản án số: 95/2020/HS-PT
Ngày: 15-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- ***Các Thẩm phán:*** Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Lê Quân Vương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 78/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Tự T. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Tự T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2020/HS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Phạm Tự T, sinh năm 1982 tại thành phố Hải Phòng; hộ khẩu thường trú: Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Đặng Thị V, sinh năm 1952; có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 và có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, Phạm Tự T đi bộ từ phòng trọ của mình đến quán phở của bà Lê Thị L tại số 5/66C, khu phố B, phường B, thị xã (nay là thành phố) T. Khi đến quán, bị cáo ngồi nói chuyện với ông N1 là chồng của bà L một lúc thì bị cáo gặp bà L và nói “chị cho em mượn cái xe đi công việc, một chút em về”, do bà L nghĩ T quen biết với chồng mình nên đồng

ý và đưa chìa khóa xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, biển số 36B4-107.88 cho T. T điều khiển xe về phòng trọ của mình rồi nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài. T gọi điện cho một người bạn tên T2 (không rõ lai lịch) nói có xe muốn bán và hẹn gặp T2 ở ngã tư C. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, T2 đến trả giá xe được 5.000.000 đồng, T đồng ý, T2 đưa trước cho T 3.000.000 đồng và nói vài hôm nữa sẽ trả 2.000.000 đồng còn lại. T giao xe mô tô cho T2 rồi lấy 3.000.000 đồng về tiêu xài cá nhân. Sau khi cho T mượn xe nhưng không thấy trả nên bà L trình báo cơ quan Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi tiếp nhận thông tin, Công an phường B tiến hành xác minh đến 22 giờ 00 phút ngày 22/12/2019 thì mời Phạm Tụ T về trụ sở làm việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản ngày 27/12/2019 kết luận 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số 36B4-107.88 trị giá 7.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Tụ T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phạm Tụ T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Tụ T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Lê Thị L số tiền 7.500.000 đồng.

Ngày 06/5/2020, bị cáo Phạm Tụ T có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội, khi bị bắt bị cáo bị đánh đập nên tinh thần hoảng loạn nên khai không đúng sự thật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Tụ T đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào biên bản tự khai, biên bản bắt người, biên bản hỏi cung bị can, các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để nhận định bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như quyết định bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét, do đó, không đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo, bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng bị cáo không quen bị hại và không mượn, chiếm đoạt xe của bị hại. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản tự khai của bị cáo ngày 22/12/2019, tại các biên bản hỏi cung bị can 31/12/2019, 17/3/2020 và 22/3/2020 (bút lục số 45 đến 53) bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai của bị hại Lê Thị L, lời khai của người làm chứng Thạch Thị Bé S, ông Nguyễn Hoàng N1; các biên bản nhận dạng ngày 20/3/2020 của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Hoàng N1 đối với bị cáo Phạm Tự T, đã đủ căn cứ xác định: Bị cáo Phạm Tự T là người mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 36B4-107.88 của bà Lê Thị L, sau đó có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt (vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, tại quán phở của bà Lê Thị L tại số 5/66C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.500.000 đồng (Theo kết luận định giá tài sản ngày 27/12/2019 kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 36B4-107.88 trị giá 7.500.000 đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Tự T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Do đó, kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo bị oan là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Tự T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Tự T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố bị cáo Phạm Tự T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phạm Tụ T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2019.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Tụ T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Lê Thị L số tiền 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Tụ T phải nộp 200.000 đồng.

4/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thành phố T; | 2 |
| - VKSND thành phố T; | 1 |
| - Chi cục THADS thành phố T; | 1 |
| - Công an thành phố T; | 2 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Tổ HCTP; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức